

NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG CƠ HỘI THÁCH THỨC ỨNG DỤNG CHO THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU XUẤT KHẨU VIỆT NAM – MỘT NGHIÊN CỨU TẠI PLEIKU

Đỗ Thị Thanh Trâm¹,
¹ Công ty OLAM Việt Nam,

TÓM TẮT

Đồn điền là một trong những ngành phụ trong nông nghiệp với vai trò chiến lược và đóng góp trong nền kinh tế Việt Nam. Một trong những mặt hàng đó là hạt điều. Nghiên cứu này nhằm phân tích khả năng cạnh tranh của hạt điều trên thị trường quốc tế để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của hạt điều và xây dựng chiến lược nâng cao khả năng cạnh tranh của hạt điều. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là SWOT. Kết quả nghiên cứu cho thấy giá trị cho thấy hạt điều Việt Nam là có thuận lợi và bất lợi tương đối, nhưng Việt Nam vẫn là nhà xuất khẩu lớn nhất thế giới vì luôn nằm trong top 3 so sánh số liệu với thế giới khi nhìn thấy giá trị và thị phần của hạt điều Việt Nam dựa trên số lượng về sản lượng và giá trị tiền tệ quy đổi do giá cả khác nhau của thị trường theo từng năm. Việt Nam có xu hướng là nước xuất khẩu và có thị phần tốt. Chiến lược cạnh tranh xuất khẩu trên hạt điều có thể được áp dụng bằng cách mở rộng hợp tác thương mại bằng cách tham gia và đóng vai trò tích cực trong tổ chức thương mại thế giới, tăng năng suất hạt điều và xã hội hóa thông tin về thị trường hạt điều quốc tế, thủ tục xuất khẩu, xuất khẩu hạt điều, chính sách nhập khẩu và các quy tắc khác liên quan đến giao dịch xuất nhập khẩu hạt điều cho tất cả các bên liên quan.

Từ khóa: hạt điều, chuỗi giá trị, ma trận phân tích SWOT, xuất khẩu, phát triển bền vững.

ABSTRACT

Plantation is one of the minor industries in agriculture with a strategic role and contribution to the Vietnamese economy. One of those items is cashew nuts. This research aims to analyze cashew competitiveness in the international market to identify factors affecting cashew's competitiveness and develop a strategy to improve cashew competitiveness. The research method used is SWOT. The results show that the value shows that Vietnam's cashew nuts have advantages and disadvantages, but Vietnam is still the largest exporter in the world because it is always in the top 3 comparing data with the world when see the value and market share of Vietnam cashew nuts based on the quantity of output and the monetary value converted due to different market prices each year.

Key words: cashew nut, value chain, SWOT analysis matrix, exports, sustainable development.

1. GIỚI THIỆU

Việt Nam là nước xuất khẩu hạt điều hàng đầu thế giới trong 10 năm liên tiếp gần đây với khối lượng xuất khẩu, chiếm 50% tổng sản lượng của thế giới.

Số liệu thống kê 3 năm gần đây kim ngạch xuất khẩu từ hạt điều cao hơn kim ngạch xuất khẩu gạo từ năm 2016-2018 (trước đó thời điểm trên từ năm 2015 trở về trước kim ngạch sản xuất gạo luôn đứng cao hơn). Sáu vùng trồng

điều ở Việt Nam có đất và khí hậu phù hợp với cây điều.

Ở nước ta cây điều được trồng từ Quảng Trị trở vào các tỉnh phía Nam có thể

chia ra ba vùng trồng điều chính với điều kiện sinh thái và sản xuất tương đối khác

nhau: • Vùng Đông Nam Bộ được coi có điều kiện sinh thái và sản xuất ổn định và phù hợp nhất với cây điều. • Vùng Tây Nguyên thường có nhiệt độ thấp vào thời kỳ cây điều ra hoa đậu quả, hay bị hạn hán. • Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ thường có mưa rét vào thời kỳ ra hoa đậu quả, hạn hán bất thường và đất xấu. Khoảng 300.000 hộ trồng điều trên 310.000 ha coi điều là một loại cây đại. Họ không sử dụng phân bón hóa học và hóa chất bảo vệ thực vật, vì vậy, hạt điều Việt Nam sạch và có chất lượng cao. Tại Peiku theo số liệu khảo sát từ hợp tác xã cách thức canh tác *thâm canh cao su, lúa* của người dân tộc Gia Rai (còn gọi là Giơ Ray, Chơ Ray) với 1652 đơn điền cá nhân nhỏ lẻ chiếm 3.330 ha thuộc các nông hộ liên kết hợp tác xã và bán trực tiếp cho công ty OLAM tác giả khảo sát, họ cũng có tập quán như đã nêu trên chỉ dùng nước và phân bò tự nhiên, đúng chuẩn trang trại hữu cơ sạch.

Bên cạnh giống điều đã tồn tại ở Việt Nam, ba giống điều mới lai tạo và nhập khẩu mang lại năng suất cao lên tới 2.500-4.000 kg mỗi ha trong điều kiện canh tác tốt. Việt Nam hiện có thể sản xuất gần như tất cả các máy móc cần thiết để tăng mức độ tự động hóa. Nó chỉ phải nhập máy phân loại màu. Máy móc và công cụ do Việt Nam sản xuất được sử dụng bởi hơn 1.000 nhà máy

và xưởng chế biến hạt điều tại Việt Nam, tất cả đều do tư nhân điều hành, và cũng được xuất khẩu sang Châu Phi. Các sản phẩm hạt điều Việt Nam luôn có các yêu cầu về ngoại hình và chất lượng được đặt ra bởi các thị trường kén chọn như Mỹ, Pháp, Đức và Nhật Bản. Khoảng 80 quốc gia hiện đang nhập khẩu hạt điều chế biến sơ bộ từ Việt Nam. Cụ thể là bao gồm Hoa Kỳ tiêu thụ 30 phần trăm, Châu Âu 25 phần trăm và Trung Quốc 18 phần trăm. Xem xét sản lượng của tất cả các nhà xuất khẩu điều và nhu cầu cao vượt quá cung, Vinacas tin rằng giá hạt điều sẽ giảm xuống dưới 10 đô la mỗi kg. Do đó, họ tin rằng việc mở rộng diện tích trồng trọt, tăng sản lượng và nâng cấp chất lượng và chế biến sản phẩm sâu sắc hơn là những gì Việt Nam cần làm. Mặc dù cây điều là một trong những cây trồng lâu năm mang lại giá trị cao, Việt Nam vẫn không có trang trại điều. Cây điều hầu hết được trồng bởi các hộ gia đình, với vài ha cho mỗi hộ gia đình. Khi giá hạt điều giảm trong những năm trước, nông dân chặt cây điều để trồng cao su và cà phê. Do đó, nông dân hiện không có đủ hạt điều để bán khi giá tăng. Việt Nam đặt mục tiêu tăng giá trị xuất khẩu hạt điều bằng cách chế biến rộng rãi hơn thay vì xuất khẩu sản phẩm thô hoặc sơ chế.

Nguồn cung ngắn tất cả mặc dù giá điều đang tăng, ngành công nghiệp điều vẫn phải đối mặt với tình trạng thiếu hạt điều để xuất khẩu. Năm ngoái, cây điều đã chứng kiến năng suất thấp do thời tiết xấu bất thường, điều này đã khiến nhiều nông dân thu hẹp diện tích canh tác của họ để lấy hạt điều, hoặc thậm chí thay thế trồng cây điều bằng cây cà phê, cao su hoặc cây ăn quả. Nhiều

nông dân bây giờ cảm thấy hối tiếc vì họ không có đủ hạt điều cho thương nhân và do đó, ngành điều không thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu xuất khẩu. Trong nhiều năm, giá điều đã phụ thuộc vào các thương nhân địa phương. Nông dân không trực tiếp cung cấp hạt điều cho các doanh nghiệp xuất khẩu, nhưng phải bán chúng thông qua một số thương nhân riêng tại Pleiku nơi tác giả khảo sát là bán qua hợp tác xã. Do đó, lợi nhuận cho nông dân đã giảm đáng kể. Ngoài ra, nông dân Việt Nam thiếu công nghệ bảo quản tiên tiến nên họ không thể lưu trữ hạt điều trong thời gian dài. Thông thường nông dân sẽ bán hạt điều thô ngay từ vườn của họ, và có thể dễ dàng chịu lỗ. Do đó cần có một chiến lược phát triển cơ bản cho ngành điều trong nước, bao gồm các liên kết chặt chẽ hơn giữa nông dân, thương nhân và nhà xuất khẩu để bảo vệ quyền của người trồng điều. Nhà nước nên xây

dựng chính sách khuyến khích và hỗ trợ nông dân. Để cải thiện tình hình, ông nói rằng Vinacas đang hợp tác với các cơ quan liên quan để phát triển mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ, dần dần kết nối người trồng điều với các nhà xuất khẩu và giúp nông dân tăng lợi nhuận. Giá điều đạt mức cao nhất trong một thập kỷ Ngành công nghiệp điều đã chứng kiến sự tăng vọt của giá điều, đánh dấu mức cao kỷ lục 10 năm, chủ yếu là do giá toàn cầu tăng. Theo thông tin của Thông tấn xã Việt Nam, một kg hạt điều thô hiện có thể được bán với giá 32.000 đồng (1,4 USD), và một kg hạt điều khô lấy 40.000 đồng, mức giá cao nhất được ghi nhận trong 10 năm qua. Đáng chú ý năm nay giá điều thô theo nông dân tại thời điểm tác giả khảo sát đang giảm (tháng 10/2019 tác giả thực hiện khảo sát đã qua mùa điều đầu năm là tháng 2-tháng 5 là mùa thu hoạch nở rộ.)

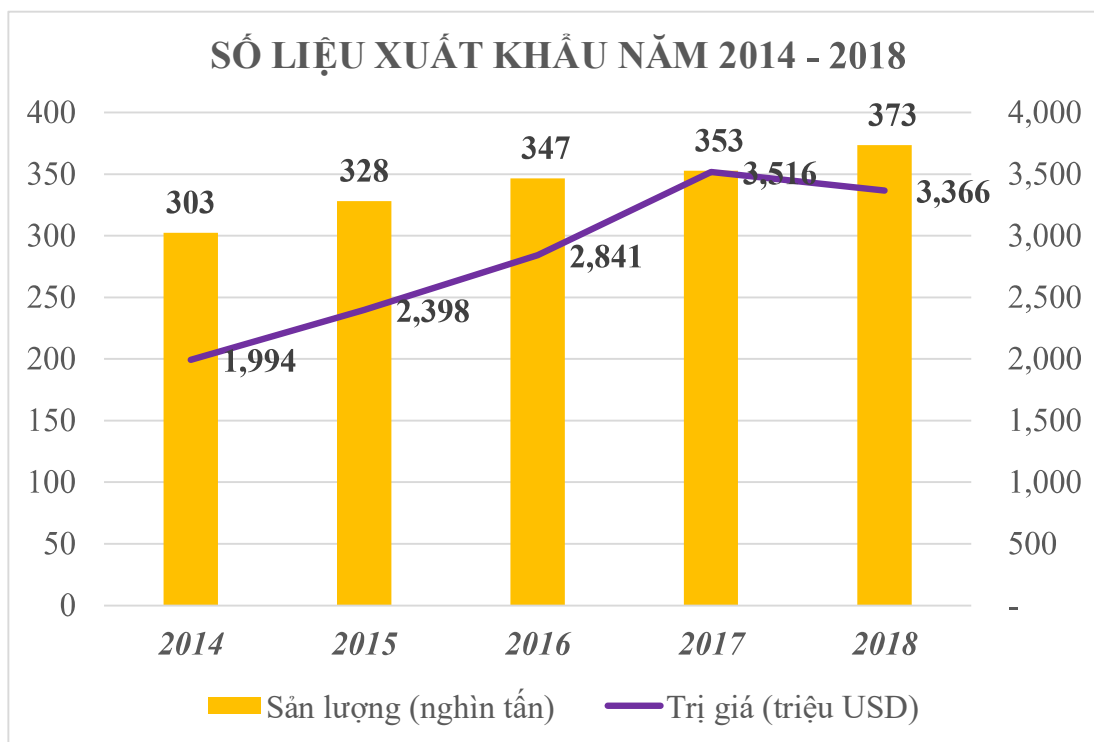
CÂN BẰNG XUẤT NHẬP KHẨU NĂM 2014 – 2018

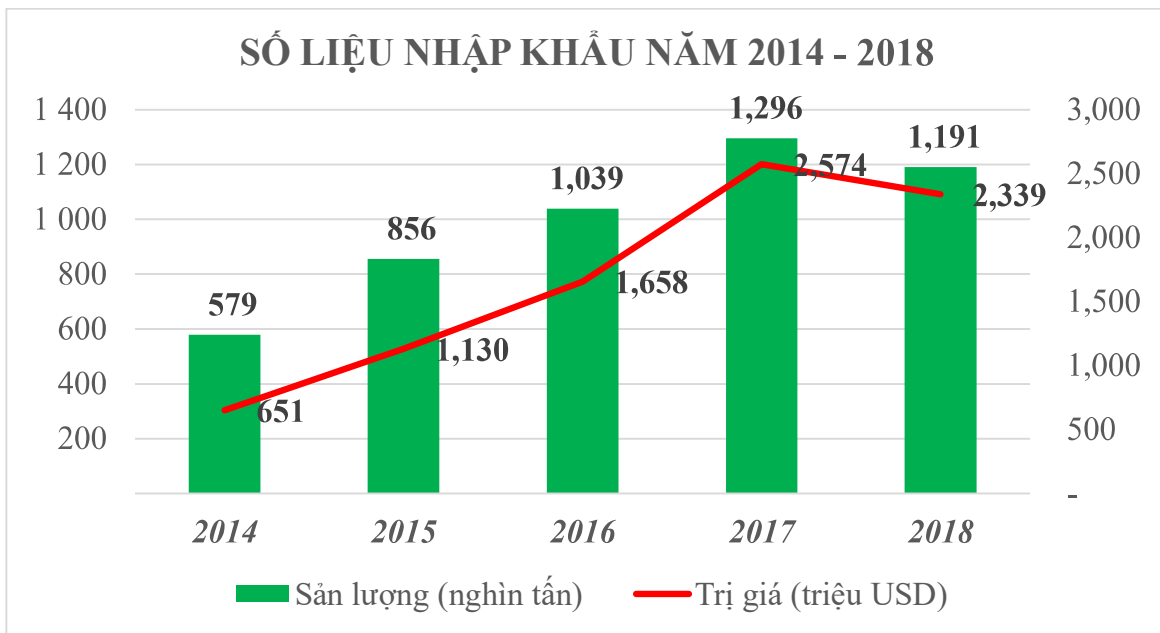
Đơn vị tính: 1000 tấn, triệu USD

Năm	Mục	Sản Lượng	Trị giá
2014	Xuất khẩu	303	1,994
	Nhập khẩu	579	651
	Chênh lệch	- 276	1,343
2015	Xuất khẩu	328	2,398
	Nhập khẩu	856	1,130

	Chênh lệch	- 528	1,268
2016	Xuất khẩu	347	2,841
	Nhập khẩu	1,039	1,658
	Chênh lệch	- 692	1,183
2017	Xuất khẩu	353	3,516
	Nhập khẩu	1,296	2,574
	Chênh lệch	- 943	942
2018	Xuất khẩu	373	3,366
	Nhập khẩu	1,191	2,339
	Chênh lệch	- 817	1 028

Bảng 1: Số liệu thống kê sản lượng và giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu hạt điều năm 2014 – 2018 của Việt Nam (Nguồn: Tổng cục thống kê)





Hình 1: Biểu đồ xuất nhập khẩu hạt điều của Việt Nam (Nguồn: Tổng cục thống kê)

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Lý thuyết về chuỗi giá trị

Theo Porter (1985), chuỗi giá trị là chuỗi tất cả các hoạt động từ khâu đầu tiên đến khâu cuối cùng trong doanh nghiệp mà chúng tạo ra giá trị cho sản phẩm hoặc dịch vụ. Các hoạt động tạo giá trị bao gồm các hoạt động chính và các hoạt động hỗ trợ. Mỗi hoạt động trong chuỗi sẽ tạo thêm một giá trị nhất định cho sản phẩm cung ứng cho khách hàng và tạo ra giá trị cho doanh nghiệp. Các hoạt động chính là các hoạt động liên quan đến việc chuyển đổi về mặt vật lý, quản lý sản phẩm cuối cùng để cung cấp cho khách hàng, bao gồm: hậu cần đầu vào, sản xuất, hậu cần ra ngoài, marketing và bán hàng, dịch vụ khách hàng. Các hoạt động hỗ trợ cho các hoạt động chính bao gồm các hoạt động thu mua, phát triển công nghệ, quản trị nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng của doanh nghiệp. Phân tích mô hình chuỗi

giá trị của Porter (1985) giúp nhận dạng những điểm yếu trong mỗi hoạt động cần cải tiến cũng như phát hiện các nguồn lực tạo nên năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp. Porter (1985) lập luận rằng nếu bản thân mỗi hoạt động có khả năng tạo ra giá trị và sự liên kết chặt chẽ giữa các hoạt động được vận hành một cách hiệu quả sẽ tạo nên một nguồn lực mạnh của lợi thế cạnh tranh.

Mô hình phân tích chuỗi giá trị của Porter (1985) bị giới hạn bởi những hoạt động tạo giá trị trong phạm vi một doanh nghiệp tạo ra sản phẩm cho khách hàng. Với xu hướng tự do hóa thương mại và kinh doanh, cách tiếp cận phân tích chuỗi giá trị được mở rộng ở phạm vi ngành, địa phương và quốc gia, đặc biệt là cách tiếp cận chuỗi giá trị sản phẩm toàn cầu. Kaplinsky (2000), Kaplinsky và Morris (2001), Gereffi (1994, 1999) and Gereffi and Korzeniewicz (1994) là những người tiên phong ứng dụng mô hình phân tích

chuỗi giá trị sản phẩm toàn cầu. Với cách tiếp cận toàn cầu, chuỗi giá trị được định nghĩa là tập hợp tất cả các hoạt động để tạo ra giá trị của một sản phẩm hoặc dịch vụ cho người tiêu dùng cuối cùng thông qua những giai đoạn khác nhau của hoạt động sản xuất, làm tăng giá trị và phân phối (Kaplinsky, 2000; Kaplinsky và Morris, 2001). Vì vậy, có thể nói rằng chuỗi giá trị là tập hợp những hoạt động phức tạp tạo giá trị của toàn bộ các tác nhân trong chuỗi, xuất phát từ các tác nhân đầu tiên sản xuất nguyên liệu đầu vào, rồi qua các tác nhân sản xuất tạo ra sản phẩm và cuối cùng là những nhà phân phối sản phẩm. Trong chuỗi giá trị toàn cầu có thể có sự tham gia của nhiều công ty, nhiều ngành giữa các quốc gia với nhau để thực hiện những công đoạn tạo giá trị khác nhau trước khi chuyển giao sản phẩm hoàn chỉnh đến người tiêu dùng cuối cùng. Nghiên cứu này sẽ sử dụng định nghĩa mở rộng theo cách tiếp cận toàn cầu cho việc phân tích chuỗi giá trị sản phẩm hạt điều.

Một chuỗi giá trị hình thành và tồn tại khi tất cả các bên có liên quan trong chuỗi vận hành theo mục tiêu tối đa hóa giá trị sinh ra trong chuỗi (Kaplinsky và Morris, 2001; Jacinto và Pomeroy, 2011). Trong bất kỳ chuỗi giá trị nào thì mỗi thành viên của chuỗi là người mua hàng của người trước và là nhà cung cấp cho người sau, các thành viên trong chuỗi có chung một mục đích và cùng nhau làm việc để đạt được mục đích đó. Mỗi thành viên của chuỗi có thể độc lập với nhau, nhưng lại phụ thuộc lẫn nhau. Mỗi thành viên góp thêm giá trị tại mắt xích cuối của chuỗi bằng cách đóng góp vào sự thỏa mãn của khách hàng.

- Khái niệm chuỗi giá trị hạt điều

Được hiểu là một chuỗi các hoạt động làm gia tăng giá trị trong sản xuất và chế biến hạt điều, được thực hiện bởi các nhân tố khác nhau tham gia vào quá trình sản xuất như trồng trọt (nông dân), thương (nhân) lái, hợp tác xã, chế biến (cơ sở chế biến hạt điều thô, hạt điều sấy, hạt điều gia vị, hạt điều xuất khẩu), doanh nghiệp với quy mô lớn như OLAM... Các đối tác tham gia vào quá trình hình thành và phát triển chuỗi, liên kết và tổ chức hợp đồng với nhau, cùng chia sẻ và thu lợi nhuận từ những giá trị gia tăng.

2.2. Tổng hợp các nghiên cứu liên quan đến đề tài

2.2.1. Nghiên cứu nước ngoài

Hội đồng xúc tiến xuất khẩu hạt điều Ấn Độ (CEPCI) là cơ quan đầu mối cho thúc đẩy xuất khẩu hạt điều và các sản phẩm của đồng minh, hoạt động tại hạt điều Bhavan, Kollam, Kerala. Ngành điều là một trong những ngành truyền thống lâu đời nhất của nước ta và cung cấp việc làm thu được cho hơn 1 triệu lao động trong các trang trại và nhà máy. Hạt điều được trồng ở 17 tiểu bang của nước ta. Tổng diện tích canh tác là 10,41 lakh ha và sản lượng ước tính là khoảng 7,80 lakh MT với một sản xuất trung bình 753 Kg / ht và chiếm 25% thị phần trong sản xuất thế giới. Ấn Độ là nhà sản xuất hạt điều thô lớn nhất (7,8 lakh MTs) và bộ xử lý hạt điều (16 lakh MT) cũng như người tiêu dùng hạt điều lớn nhất (2,70 lakh MT) trong thế giới. Xuất khẩu hạt điều trong năm 2016-17 là Rs.5169 Cr. (771 USD) và kế toán khoảng 21% tổng xuất khẩu điều toàn cầu so với tỷ lệ của Việt Nam là 62%.

Ấn Độ chiếm khoảng 25% tổng sản lượng hạt điều thô trên thế giới và trong giai đoạn 2016-17, sản lượng hạt điều thô của chúng tôi ước tính đạt 7,8 lakh MTs. • Trồng điều được thực hiện ở 17 bang của Ấn Độ với diện tích 10,41 lakh ha. • Ấn Độ là nhà chế biến hạt điều lớn nhất thế giới (Chế biến khoảng 16 lakh MT hạt điều thô mỗi năm).

Xuất khẩu hạt điều và các sản phẩm đồng minh bao gồm hạt điều, rang & muối hạt điều, chất lỏng vỏ hạt điều (CNSL) và Cardanol (CNSL tinh khiết) từ Ấn Độ lên tới Rs. 5213 Cr., (US \$ 778) trong giai đoạn 2016-17. • Xuất khẩu hạt điều trong năm 2016-17 có giá trị bằng RL. 5169 Cr. (771 đô la Mỹ) và Ấn Độ chiếm khoảng 21% tổng xuất khẩu điều toàn cầu. • Giá xuất khẩu trung bình của hạt điều đã tăng ba lần trong lần cuối cùng 10 năm, từ 200 Rupia / - mỗi Kg trong giai đoạn 2007-08 đến 628 Rupia / - mỗi Kg trong năm 2016-17. • Ấn Độ có xuất khẩu hạt điều trực tiếp đến hơn 80 quốc gia, thị trường lớn là UAE, Mỹ, Ả Rập Saudi, Nhật Bản, Hà Lan, Đức, Bỉ, Đại diện Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Pháp, Anh, Kuwait và Singapore. • UAE hiện là thị trường lớn nhất cho hạt điều Ấn Độ, tiếp theo là Hoa Kỳ và Ả Rập Saudi, trong khi Hạt điều Ấn Độ Liquid Shell phần lớn được xuất khẩu vào Nam Hàn Quốc, tiếp theo là Tây Ban Nha, Mỹ, Bỉ và Trung Quốc. • Các nước sản xuất hạt điều và sản xuất hạt điều lớn khác là Việt Nam và Brazil. • Nhập khẩu hạt điều thô chủ yếu từ các nước Đông và Tây Phi • Tiêu thụ hạt điều nội địa Ấn Độ là lớn nhất thế giới ước tính vào khoảng 2,70 lakh MT trong giai đoạn 2016-17. Tiêu thụ trong nước đã tăng lên 70% trong 10 năm qua. • Không

giống như phần còn lại của Thế giới, mức tiêu thụ ở Ấn Độ chủ yếu dành cho grades các lớp Broken Broken, dùng làm nguyên liệu trong thực phẩm. • Khoảng 97 phần trăm xuất khẩu hạt điều Ấn Độ ở dạng đơn giản và với số lượng lớn đóng gói. Xuất khẩu giá trị gia tăng / gói tiêu dùng chiếm ít hơn 3 phần trăm.

Chế biến hạt điều có thể được định nghĩa là sự phục hồi của hạt nhân, tức là phần thịt ăn được từ các loại hạt thô. Các bước để chế biến hạt điều là điều hòa, rang, tách vỏ, sấy khô, bóc vỏ, phân loại và đóng gói (Gayathri Industries, 2014 và Ali và Judge cùng cộng tác giả, 2001). Do sự suy giảm giá trị thực hiện, xuất khẩu hạt điều Ấn Độ đã giảm trên thị trường quốc tế kể từ năm 2005. Ấn Độ không còn là nhà xuất khẩu hạt điều duy nhất vì Việt Nam và Brazil đã nổi lên như một đối thủ cạnh tranh mạnh mẽ với ngành điều Ấn Độ (Padmanaban, 2010). Thiếu cân bằng giữa nhu cầu và chuỗi cung ứng gây ra sự biến động đột ngột của giá điều dẫn đến tổn thất lớn cho các nhà cung cấp điều Ấn Độ (Sundaram, 2007). Mặc dù có rất nhiều thiếu sót, nhu cầu toàn cầu về điều Ấn Độ vẫn còn khá lớn do lợi thế về chất lượng so với nhiều quốc gia khác (CRN Ấn Độ 2013). Theo quan điểm trên, một nỗ lực đã được thực hiện trong bài viết này là thực hiện một phân tích kinh tế về các nhà máy chế biến hạt điều trong điều kiện Ấn Độ.

Nghiên cứu tại Indonesia năm 2017 (Ferdinan Demang, Salengke, Nurdin Brasit, 2018), một trong những trung tâm sản xuất điều là tỉnh East Nusa Tenggara (NIT), trong giai đoạn 2011-

2015 sản lượng hạt điều trong nhánh này tiếp tục tăng lên hàng năm, Alor là một trong những vùng điều đạt 2.000 tấn. Tuy nhiên, chất lượng sản xuất được coi là kém. Nghiên cứu này nhằm xây dựng chiến lược ro cải thiện chất lượng hạt điều trong huyện. Nghiên cứu này được thực hiện tại Pamar và Can và sản xuất tại quận Alor vào tháng 5 đến tháng 3 năm 2017. Phương pháp phân tích dữ liệu được sử dụng là SWOT để biết các điều kiện bên trong và bên ngoài mà sau đó sẽ được sử dụng làm cơ sở để thiết kế các chiến lược và chương trình. Kết quả cho thấy chiến lược ưu tiên chính cho phát triển chất lượng hạt điều ở huyện Alor là thành lập một nhóm các doanh nghiệp dưới hình thức hợp tác xã do nông dân khai thác.

Việc phát triển trồng trọt và quản lý nông sản vì phúc lợi hoặc cộng đồng là rất cần thiết vì cộng đồng Aloes phụ thuộc vào nông nghiệp, về mặt phúc lợi của nông dân cần sự can thiệp của chính phủ trong việc quản lý nông sản và giám sát tốt cho phúc lợi của nông dân có thể được cảm nhận. Việc bán các mặt hàng trồng điều không đảm bảo phúc lợi cho nông dân vì chất lượng hạt điều sản xuất không tốt cho thị trường và giá rất thấp ở cấp độ của nông dân. Do đó, cần có sự quan tâm cần thiết của chính quyền địa phương và các bên liên quan khác thông qua việc thực hiện các chương trình phát triển đặc biệt là trong sự phát triển của trồng trọt và cải thiện chất lượng của các sản phẩm hạt điều để cải thiện phúc lợi cho nông dân và các sản phẩm hạt điều giá trị gia tăng (Juran, 1995).

Theo báo cáo đánh giá của ngành điều Nigeria tháng 9/2002: Nigeria sản xuất một số giống điều, mặc dù các giống lùn hiện không có sẵn. Trong khi phần lớn cây điều Nigeria, 60-80%, sản xuất hạt nhỏ, Nigeria cũng sản xuất jumbo Brazil, sản lượng hạt lớn hơn. Nông trại Kosoni-Ola, tại Okerimi-Oro, Kwara State, nhập khẩu jumbo Brazil từ Brazil vào năm 1986. Thực tế là Nigeria sản xuất Hạt dễ Brazil dường như nổi tiếng trong ngành; một số quan chức trích dẫn Brazil là nhà cung cấp duy nhất của các loại hạt Brazil. Một số đồn điền khác như Jof Ideal, Owo; NYSC trang trại, Nhà nước Kwara; và trang trại Ogbeh, bang Benue đã mua nguyên liệu trồng (hạt giống và cây con) từ Kosoni-Ola. Nông dân hiếm khi, nếu có, áp dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu. Hậu môn - thân cây điều girdler - là loài gây hại chiếm ưu thế ở Nigeria, tuy nhiên, không có dịch hại lớn về điều và các bệnh đã được ghi nhận. Làm cỏ bằng tay sử dụng dao kéo là thực hành tiêu chuẩn do chi phí hóa chất nông nghiệp và thuốc diệt cỏ, do đó, phần lớn sản xuất của Nigeria được xem xét "hữu cơ". Sau khi trưởng thành, các quả có gắn hạt, rơi xuống đất và được thu thập bằng tay. Tuy nhiên, ở một số vùng sản xuất, quả được hái tươi từ cây để bán. Mặc dù thực hành này cung cấp tiền cho tảo, nó tạo ra các loại hạt chưa trưởng thành, nhỏ và đôi khi trống rỗng, tức là không có hạt nhân bên trong và không có giá trị thương mại. Sau khi hái, trái cây được tách ra khỏi hạt. Hạt điều sau đó được sấy khô trong 3 đến 5 ngày và được bán trong bát / calabash tại chợ địa phương và trung tâm mua hàng. Khí hậu càng khô thì càng tốt dai ốc và giảm tỷ lệ nấm

mốc trong khi lưu trữ và vận chuyển. Nhà nước Nassarawa là trích dẫn như một nguồn tuyệt vời của hạt thô khô. Khu vực Isuochi và Okigwe của bang Abia cũng có đã được đề cập để thực hành các kỹ thuật xử lý sau thu hoạch đặc biệt, cho phép trái cây trưởng thành và thả từ cây trước khi hái; các loại hạt của họ cũng được làm khô hoàn toàn. Olam Nigeria là nước xuất khẩu hạt điều thô lớn nhất, xuất khẩu khoảng 15-17% địa phương sản xuất, hoặc một nửa của tất cả xuất khẩu được ghi nhận. Theo kết quả nông thôn và nông nghiệp trong môi trường bền vững (RAISE) IQC, Chemonics International đang hợp tác với USAID / Nigeria và Chính phủ Cộng hòa Liên bang Nigeria (GON) để kích thích tăng trưởng kinh tế Nigeria thông qua tăng khả năng cạnh tranh trong thị trường thế giới. Một thành phần chính của nỗ lực này tập trung vào việc xác định nông nghiệp cụ thể sản phẩm có tiềm năng lớn nhất để tăng ngoại hối và việc làm. Trong khi dự án đặc biệt nhắm mục tiêu tăng sản xuất và xuất khẩu nông sản, nó cũng tìm cách thúc đẩy doanh số bán hàng trong nước cũng thông qua các hoạt động cơ hội, theo dõi nhanh các hoạt động trên cơ sở, dựa trên cơ sở phát triển mạng lưới và liên kết để thúc đẩy thương mại. Tại một hội nghị các bên liên quan tại Abuja Nigeria vào tháng 1 năm 2002, những người tham gia đã xác định được năm các sản phẩm của Nigeria có tiềm năng lớn nhất cho tăng trưởng xuất khẩu. Chemonics bị buộc tội tiên hành đánh giá tiểu ngành các sản phẩm này, và sau đó xây dựng *kế hoạch hành động của ngành* (IAP) cho những người chỉ ra đủ cơ hội thị trường. Đánh giá tiêu mục sau đây xem

xét xu hướng thị trường, cơ hội và hạn chế, cả hai quốc tế và trong nước; yêu cầu sản xuất và chế biến; vấn đề môi trường hoạt động; và các khuyến nghị để giải quyết nhu cầu của các ngành công nghiệp Nigeria. Một IAP riêng cung cấp một khuôn khổ chiến lược cho các hành động của khu vực tư nhân Nigeria và quốc tế, chính phủ Nigeria, và các nhà tài trợ nên thực hiện để cải thiện khả năng tồn tại của các cụm công nghiệp này.

Theo báo cáo Triển vọng cho Campuchia Tiểu ngành điều tháng 10/2010: Campuchia hiện đang xuất khẩu hạt điều có chất lượng tốt (và có khả năng được chứng nhận hữu cơ) sang Việt Nam, do đó mất một cơ hội lớn để thêm giá trị. Việc phát triển một nhà máy pháo kích ở Campuchia sẽ tăng thêm giá trị và tạo việc làm, cũng như tạo ra sự cạnh tranh và nâng cao giá trị của xuất khẩu trong vỏ. Thành lập tại ít nhất một đơn vị chế biến chất lượng là điều cần thiết để xây dựng hình ảnh thương hiệu tích cực cho hạt điều được trồng ở Campuchia. Chế biến có khả năng tăng thêm giá trị từ 30 đến 40 triệu đô la mỗi năm, dựa trên mức sản xuất hiện tại. Liên quan đến việc thành lập một ngành công nghiệp chế biến, các nhà chế biến Campuchia nên tận dụng lợi thế mới công nghệ chế biến và chuyên môn có sẵn ở nước láng giềng Việt Nam. Chiến lược tiếp thị khuyến nghị thiết lập ít nhất một nhà máy chất lượng cao sẽ giúp xây dựng hình ảnh tích cực cho hạt điều Campuchia. Mục tiêu tiếp thị dài hạn phải là xuất khẩu hạt điều chất lượng cao, rang, hữu cơ trong người tiêu dùng gói để bán trong các siêu thị trên toàn thế giới. Tis sẽ nắm bắt giá trị gia tăng tối đa và thiết

lập Campuchia ngoài nguồn gốc khác. Tis là một mục tiêu đầy tham vọng và cần được thực hiện theo các bước. Khi một cơ sở chế biến là được thiết lập, bước đầu tiên nên xuất khẩu hạt nhân thô trong các gói số lượng lớn tiêu chuẩn, như rang và đóng gói trong các gói tiêu dùng trình bày nhiều vấn đề sẽ được quản lý trong các giai đoạn ban đầu của doanh nghiệp. Hiện tại, hạt điều rang chỉ nên nhắm vào thị trường trong

nước hoặc khu vực, nơi thời gian vận chuyển là các thủ tục kiểm soát và đảm bảo chất lượng ngắn và ít đòi hỏi. Mặc dù thành lập một Campuchia Công nghiệp chế biến được khuyến nghị ngay lập tức, tiếp tục bán hạt điều cho các nhà chế biến tại Việt Nam và Ấn Độ cũng được khuyến nghị để đảm bảo rằng toàn bộ cây trồng có thể được bán trên thị trường.

Nước (Quốc gia)	Thu hoạch bình quân trên ha (hecta)	Xu hướng sản xuất thu hoạch
Ấn Độ	800-1.200 kg mỗi ha được báo cáo thường xuyên, tuy nhiên, sản lượng có thể là ước tính quá mức trên.	Sản xuất đang tăng lên, mặc dù có vẻ như thống kê nhà nước phóng đại xu hướng. Ngành công nghiệp đang rời khỏi truyền thống của nó nhà ở Kerala ở phía tây nam, thay vào đó là hướng đông bắc và sử dụng đất chất lượng thấp hơn để trồng quy mô lớn. Pháo kích, mặc dù đa dạng, vẫn chủ yếu có trụ sở tại Kerala.
Việt Nam	1.000 kg mỗi ha, nhưng có nhiều báo cáo năng suất cao hơn ở một số khu vực. Đây là những khu vực có lên tới 2.500 kg mỗi ha.	Diện tích trồng đã tăng lên và tổng diện tích bây giờ là khoảng 400.000 ha, mặc dù không phải tất cả các cây đang sản xuất. Mục tiêu là tăng đến 500.000 ha, mặc dù bằng chứng giai thoại cho thấy nông dân có thể di chuyển về phía các loại cây trồng khác như đồng và cao su. Tăng trưởng trong sản xuất có thể không ổn định như trước đây, vì ngành công nghiệp Việt Nam đã mất phần lớn danh tiếng của nó sau khi không cung cấp hợp đồng xuất khẩu trong một thị trường tăng trong năm 2008 và 2009.
Mozambique & Tanzania	175-250 kg mỗi ha nhưng rất khác nhau mỗi nơi, không đồng đều.	Tăng trưởng trong ngành một lần nữa sau nhiều năm bị lãng quên sau các cuộc chiến tranh xé tan khu vực vào những năm 1970 và 1980. Mozambique là một nhà lãnh đạo thị

		trường trong thời chiếm đóng của Bồ Đào Nha, nhưng các nhà máy rơi vào tình trạng hư hỏng và bị quốc hữu hóa và bị bỏ rơi từ năm 1975 trở đi. Hôm nay 23 nhà máy được thành lập và sản xuất đang phục hồi để đáp ứng cả nhu cầu gia công và thị trường xuất khẩu.
Brazil	500 kg, mặc dù có rất nhiều để giới thiệu giống năng suất cao hơn bao gồm cả những cây được coi là phát triển sớm và lùn.	Diện tích cây điều đã tăng đều đặn nhưng tăng trưởng lớn bất phá không có khả năng. Các nhà máy Brazil có thể có thể xử lý nhiều hơn nữa nguyên liệu nếu chúng được phép nhập khẩu trong vỏ, hiện đang bị cấm. Brazil thu hoạch vào tháng 10/11 mang lại lợi thế khác biệt.

Bảng 2: Xu hướng sản xuất hạt điều trên thế giới

Nguồn: Dữ liệu tìm nguồn cung ứng thành phần được thu thập trong quá trình nghiên cứu báo cáo Triên vọng cho Campuchia Tiêu ngành điều tháng 10/2010.

2.2.2. Nghiên cứu trong nước

Tại Việt Nam theo (Trần Công Khanh và cộng sự, 2010): Mặc dù hiện nay Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu nhân điều đứng đầu trên thế giới tuy nhiên chất lượng hạt điều nước ta vẫn chưa cao. Kích cỡ hạt nhỏ, bình quân 200 hạt/kg do đó tổn công chế biến và nhân thu được nhỏ, có giá thấp. Bên cạnh đó, tỷ lệ nhân thu hồi thấp, cần 4,0-4,2 kg hạt nguyên liệu cho 1 kg nhân. Hạt không đồng đều về kích cỡ và hình dạng nên khó áp dụng cơ giới hóa vào quá trình chế biến hạt điều trong khi nhu cầu lao động cao là một nhược điểm lớn của việc phát triển sản xuất chế biến điều hiện nay. Trong tập đoàn các dòng điều có triển vọng đã được chọn lọc trong thời gian qua có một số giống có chất lượng hạt vượt trội tỷ lệ nhân thu hồi cao 30-33% và kích cỡ hạt lớn 120-140 hạt/kg (Đỗ Trung Bình và ctv, 2011). Đây là nguồn vật liệu di truyền quan trọng làm cơ sở cho việc nghiên cứu nâng cao chất lượng hạt điều. Qua điều tra khảo sát thực tế và thảo luận

trực tiếp với nông hộ, chủ trang trại, cán bộ kỹ thuật và lãnh đạo Ngành nông nghiệp của một số tỉnh có trồng điều chính như: Bình Phước, Bình Dương và Đồng Nai ở Đông Nam bộ đã đi đến nhận định chung: Trên tất cả các loại đất nếu có tưới cây điều không thể cạnh tranh với cây cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả, v.v... Đối với đất không tưới đã và dự kiến mở rộng diện tích điều thuộc các dự án của địa phương thì cây điều vẫn luôn chịu áp lực cạnh tranh với các cây nông – lâm nghiệp khác để tồn tại. Kết quả điều tra một số nông hộ tại trên 3 loại cây trồng tại xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (Bảng 2.3) cho thấy: cây cao su mang lại lợi nhuận cao nhất (62 triệu/ha/năm); cây điều có áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh điều tổng hợp đối với giống mới PN1 đạt lợi nhuận 53 triệu /ha/năm, đối với giống điều trồng bằng hạt (điều thực sinh) chỉ đạt 21 triệu/ha/năm. Đặc biệt tại hộ ông Trần Văn Xuân (ấp 2, tại xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước) áp dụng triệt để các

biện pháp kỹ thuật thâm canh điều đạt 5 tấn/ha, thu nhập 100 triệu đồng/ha/năm, tổng chi phí 23 triệu/ha và thu lợi nhuận 77 triệu đồng/ha/năm. (ông Xuân cho biết: giá điều năm 2012 rất thấp 20.000đ/kg nhưng vẫn có lợi thế cạnh tranh cao hơn cây cao su, nếu tính theo giá hạt điều của năm 2011 thì cây điều hoàn toàn có lợi thế cạnh tranh so với nhiều loại cây trồng khác tại địa phương). Cây sắn cho lợi nhuận thấp nhất: 17 triệu/ha/năm.

2.3. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của nghiên cứu này là khám phá các cơ hội để cải thiện hiệu suất chuỗi giá trị hạt điều ở Việt Nam theo cách tạo thu nhập cho các hộ sản xuất nhỏ và các nhà chế biến quy mô nhỏ và quy mô lớn. Xem xét tầm quan trọng của ngành điều đối với nền kinh tế quốc gia và xóa đói giảm nghèo, những cải tiến được đề xuất có thể được các nhà hoạch định chính sách, nhà đầu tư và nhà tài trợ sử dụng để kiểm tra lại các chiến lược chính sách, phân bổ nguồn lực và phát triển cơ sở hạ tầng. Nó cũng có thể kích hoạt sự quan tâm của khu vực tư nhân để phát triển các chiến lược tiếp thị mới. Bài viết bắt đầu bằng cách đưa ra nền tảng cho ngành điều và tác động của nó đối với sự phát triển nông thôn, được củng cố bởi các can thiệp chính sách và các hoạt động chính yếu. Sau đó, một phân tích SWOT, lập bản đồ chuỗi giá trị, phù hợp chiến lược và trình điều khiển lợi nhuận được phác thảo. Công ty OLAM được trình bày như một ví dụ về mô hình kinh doanh sáng tạo trong ngành điều. Người ta kết luận rằng đầu tư vào nghiên cứu thị trường, gia tăng giá trị trong nước và cân bằng các yêu cầu của khách hàng có thể có khả năng nâng cao

khả năng cạnh tranh và hiệu quả trong chuỗi giá trị hạt điều ở Việt Nam.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Vị trí và thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu này được thực hiện tại Plei Doch có thể đại diện và mô tả phân phối sản xuất hạt điều ở tỉnh Pleiku vào tháng 10 năm 2019, để biết chuỗi giá trị, môi trường, đặc điểm, chất lượng của hạt điều ở tỉnh Pleiku người trả lời bao gồm 10 người trả lời thu thập thương nhân, 5 người trả lời từ các thương nhân lớn giữa các thương nhân đảo. Lựa chọn người trả lời được thực hiện bằng cách xem xét rằng người được hỏi biết tình trạng và sự phát triển và bán hạt điều ở tỉnh. Do đó, tổng số người được hỏi là 105 người được hỏi. Nghiên cứu này nhằm xây dựng các chiến lược để cải thiện chất lượng hạt điều ở Pleiku. Phương pháp nghiên cứu sử dụng định lượng định lượng. trong khi loại dữ liệu được sử dụng dữ liệu chính và dữ liệu thứ cấp, dữ liệu chính bao gồm dữ liệu: lấy trực tiếp từ người trả lời, tức là nông dân và thương nhân đã trở thành đối tượng trong nghiên cứu này. Dữ liệu thứ cấp là dữ liệu thu được từ nghiên cứu tài liệu và các nguồn dữ liệu khác liên quan đến tài liệu nghiên cứu

Phương pháp thu thập dữ liệu: Phương pháp thu thập dữ liệu được thực hiện trong nghiên cứu này bao gồm

Nghiên cứu này được thực hiện thông qua hai bước chính: nghiên cứu sơ bộ và nghiên cứu chính thức.

Nghiên cứu sơ bộ

Nghiên cứu sơ bộ được thực hiện thông qua phương pháp nghiên cứu định tính thảo luận nhóm. Nhóm thảo

lượn 20 người có độ tuổi từ 23 – 54 nông dân trồng điều tại đồn điền (chủ và người làm thuê), cán bộ, các nhân viên nhà nước cán bộ hợp tác xã, các nhân viên công ty chế biến mà ở đây cụ thể là đại diện OLAM...Nghiên cứu này dùng để điều chỉnh và bổ sung thang đo khảo sát. Dựa trên kết quả thảo luận nhóm, xin ý kiến chuyên gia (Giảng viên hướng dẫn và chuyên gia trong ngành) bảng câu hỏi được thiết kế và được dùng để phỏng vấn thử 17 người để kiểm tra mức độ rõ ràng của bảng câu hỏi và thông tin thu về. Sau khi điều chỉnh bảng câu hỏi phỏng vấn thử, bảng câu hỏi chính thức được dùng để khảo sát. (1) Phỏng vấn, nghĩa là bằng cách hỏi trực tiếp người trả lời. Người trả lời trong câu hỏi là nông dân. thương nhân và các bên khác liên quan đến sự phát triển của hạt điều ở Pleiku, (2) Ghi âm, đó là nghiên cứu bằng cách ghi lại dữ liệu cần thiết cả từ người trả lời và các tổ chức có liên quan có dữ liệu hỗ trợ trong bản này. (3) Quan sát. đó là bằng cách quan sát trực tiếp để thấy trạng thái của vật thể trong lĩnh vực và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả phát triển và buôn bán hạt điều ở Pleiku.

Nghiên cứu chính thức

Thực hiện bằng phương pháp nghiên cứu định lượng tiến hành phỏng vấn phát bản câu hỏi khảo sát phỏng vấn trực tiếp. Phương pháp lấy mẫu thuận tiện được áp dụng để thu thập số liệu trong nghiên cứu này, nghĩa là người nghiên cứu được chọn những đối tượng dễ dàng tiếp cận để khảo sát và thu thập dữ liệu. Nghiên cứu này dự định được tiến hành vào đầu tháng 10/2019. Phương pháp hồi quy đa biến được sử dụng để kiểm định các giả

thiết với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS có thể tiếp cận được để thu thập dữ liệu. Mẫu được sử dụng để đánh giá thang đo và kiểm định lại các giả thiết thống kê thông qua việc mã hóa nhập liệu và chạy các phân tích cần thiết bởi phần mềm SPSS và Microsoft Excel.

Nghiên cứu được thực hiện thông qua 2 phương pháp là phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng.

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu thông tin thứ cấp: được thực hiện thông qua nghiên cứu tài liệu trên internet, nghiên cứu những luận văn bài báo và các nghiên cứu liên quan, những nghiên cứu đã hoàn thành trước đó. Nhằm có những định hướng cho nghiên cứu và lựa chọn mô hình hợp lý.

- Phương pháp nghiên cứu định lượng thông tin sơ cấp: nghiên cứu này sẽ sử dụng phương pháp nghiên cứu khám phá kết hợp nghiên cứu mô tả dạng nghiên cứu khảo sát lấy mẫu để có một cách nhìn khái quát về vấn đề nghiên cứu. Phương pháp lấy mẫu phi xác suất, lấy mẫu ngẫu nhiên thuận tiện, có trọng số lấy mẫu tại các nông trại (đồn điền) trồng điều ở Plei Doch của tỉnh Pleiku. Bảng câu hỏi đã được thiết kế và hoàn thiện (sẽ trình bày khi dự án được phản biện đề cương cụ thể). Phỏng vấn trực tiếp, xử lý bảng câu hỏi thông qua phần mềm SPSS và sử dụng phương pháp thống kê, phân tích, so sánh và suy luận logic để tổng hợp các số liệu, dữ kiện nhằm xác định những kết quả phù hợp.

Phân tích dữ liệu Phân tích dữ liệu được thực hiện bằng cách sử dụng phân tích SWOT và quy trình phân tích

Hierarki (AHP). Phân tích này được biết là một điều kiện bên trong và bên ngoài của một tổ chức mà sau đó sẽ được sử dụng làm cơ sở để thiết kế các chiến lược và chương trình làm việc. Phân tích nội bộ bao gồm đánh giá sức mạnh và điểm yếu. Trong khi đó, phân tích bên ngoài bao gồm cơ hội và thách thức. Có hai cách tiếp cận trong phân tích SWOT là cách tiếp cận định tính và định lượng. Sau đó, kết quả phân tích chiến lược bằng cách sử dụng phân tích SWOT được tiếp tục bởi sử dụng phương pháp AHP để biết ưu tiên chính của kết quả chiến lược phù hợp. Kiểu dữ liệu trong nghiên cứu này là dữ liệu chính và phụ. Dữ liệu chính (dữ liệu sơ cấp) là dữ liệu thu được trực tiếp từ người trả lời, tức là nông dân và thương nhân trong khi dữ liệu thứ cấp là dữ liệu thu được từ nghiên cứu tài liệu và các nguồn dữ liệu khác liên quan đến tài liệu nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

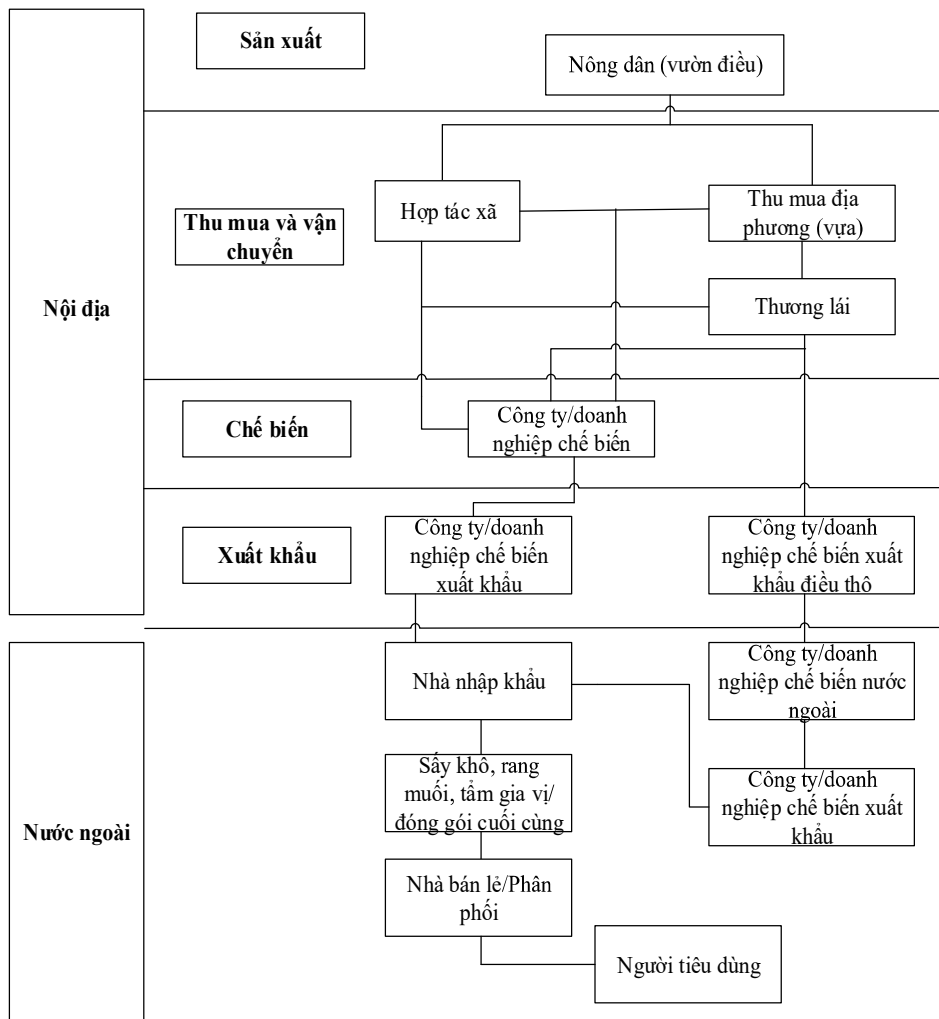
3.1. Đặc tính mẫu

Đặc điểm của người trả lời là nông dân trồng điều tại đồn điền (chủ và người làm thuê), cán bộ, các nhân viên nhà nước cán bộ hợp tác xã, các nhân viên công ty chế biến mà ở đây cụ thể là đại diện OLAM...tại Plei Doch.

Đặc điểm của người trả lời trong nghiên cứu này bao gồm tuổi, số lao động, trình độ học vấn, diện tích đất, sản xuất và thu nhập của nông dân trồng điều. Trung bình số người được hỏi là 25-50 tuổi hay 67,78% với các biến thể từ 18-65 tuổi. Số lượng lao động trung bình mà người trả lời sử dụng là 1-3

người với trình bày, với phạm vi từ 1-5 người. Trình độ học vấn của nông dân trồng điều ở Pleiku vẫn còn thấp. Kết quả cho thấy trình độ học vấn trung bình của nông dân là của trường tiểu học. Điều này là do thiếu cơ sở hạ tầng giáo dục trong khu vực. Diện tích của nông dân trồng điều ở Plei Doch là 3.330 ha với 1652 nông hộ trực thuộc hợp tác xã quản lý và bán trực tiếp cho công ty OLAM. Lựa chọn hộ nông dân không quy định giới hạn diện tích trồng điều mà chỉ là các làng xung quanh và đảm bảo đúng chuẩn trang trại hữu cơ sạch. Số lượng sản xuất hạt điều trung bình của người trả lời ở Plei Doch là trong số họ có sản lượng 1.5 tấn trung bình 1 ha. Giá bán hạt điều dao động trong khoảng 25.000VNĐ – 35.000VNĐ mỗi kg và theo cho biết năm nay giá điều giảm chỉ đạt 30.000VNĐ hoặc thấp hơn (giá điều đầu mùa thu hoạch từ tháng 2 đến hết tháng 5 năm 2019), sản lượng năm nay cũng không tăng không giảm mà như năm ngoái nhưng do giá điều thị trường giảm nên giá trị bán điều cho OLAM của người dân cũng giảm theo. OLAM không độc quyền thu mua điều, các nông dân có thể bán cho các thương lái khác, tuy nhiên OLAM không mua trực tiếp mà thông qua hợp tác xã thu mua, có cơ cấu tổ chức hoạt động bài bản quản lý nông hộ. Theo cho biết thật sự của nông dân thì giá bán cho OLAM tốt hơn so với bán cho thương lái, giá sỉ nhưng cạnh tranh. 92,22% số người được hỏi bán sản xuất của họ với mức giá 28.000VNĐ +/- 2.000VNĐ mỗi kg.

3.2. Chuỗi giá trị hạt điều tỉnh Pleiku



Hình 2: Chuỗi giá trị hạt điều tại Pleiku

Giai đoạn ban đầu của thương mại hóa bắt đầu khi người trồng bán hạt điều thô tại địa phương cho thương nhân, hợp tác xã, nhà chế biến, nhà bán lẻ, môi giới và khu vực phi chính thức. Phần lớn nông dân sống ở vùng sâu vùng xa, không được tổ chức theo nhóm và thường không được tiếp cận với giá cả thị trường. Do đó, thông tin bất cân xứng được quan sát, bởi vì người mua được thông tin tốt hơn và có nhiều quyền lực hơn về mặt đàm phán. Một hạn chế khác là không có sự khác biệt về giá giữa kích thước của hạt thô và chất lượng trong quá trình giao dịch. Giai đoạn thứ hai xảy ra khi hạt điều

được thu thập và vận chuyển để xuất khẩu hoặc xử lý bởi ngành công nghiệp địa phương hoặc khu vực phi chính thức.

So sánh với nghiên cứu của (Lucia Antonio, Garry Griffith, 2017) ngành công nghiệp chế biến điều tại Mozambique đã được chính phủ, nhà tài trợ bên ngoài và NGOs-các tổ chức phi chính hỗ trợ rất nhiều hơn so với tại Pleiku, Việt Nam. Điều quan trọng cần lưu ý là Mozambique xuất khẩu phần lớn hạt điều đã được xử lý một phần và sau đó xuất khẩu số lượng lớn qua nhiều kênh khác nhau, chủ yếu sang CJSA, Hà Lan, Canada và Nam Phi, sử

dụng nhãn hiệu chính thức có tên là "Zambique" (INCAJU, 2011). Nó đã được chỉ ra rằng tính thời vụ lao động, thiếu xây dựng năng lực và quản lý kinh doanh là mối quan tâm chính của ngành công nghiệp trong nước (Kế hoạch tổng thể INCAJLJ, 2011). Do đó, những cải tiến trong chế biến địa phương có thể cần sự đổi mới để cải thiện việc cắt hạt thô hiệu quả, cung cấp hỗ trợ quản lý và máy móc bổ sung. Theo cách tương tự, vị trí của các nhà máy ở các địa điểm xa, cần phải được cân bằng với điều kiện đường xá, nước và điện tốt. Chuyển sang khu vực phi chính thức, điều này chủ yếu do phụ nữ chi phối, họ sử dụng các phương pháp truyền thống để chế biến và sau đó bán trực tiếp cho các chợ, siêu thị, bán hàng tại nhà hoặc bán hàng rong. Trong trường hợp này, việc cấp phép cho các đơn vị này là bắt buộc, vì việc xử lý hiện đang được thực hiện mà không có các điều kiện nghiêm ngặt về vệ sinh và kiểm soát sức khỏe. Theo khảo sát thực tế của tác giả vai trò của hợp tác xã cực kì quan trọng tại Pleiku, là trung gian và là tiếng nói của nông dân dân tộc địa phương. Thực tế

cho thấy, cũng là cần thiết để cung cấp hỗ trợ tài chính, tổ chức chúng trong các nhóm hoặc hiệp hội, và cung cấp đào tạo và kỹ năng kinh doanh. Ở quy mô toàn cầu, 90% hạt điều thô được xuất khẩu sang Ấn Độ, trong khi hạt điều chế biến một phần được vận chuyển chủ yếu đến Hà Lan, Mỹ, Canada và Nam Phi, lần lượt chiếm 27%, 18%, 14% và 14% (Zavale và Monroy, 2014, trang 8). Do đó, có thể thấy rằng 50 phần trăm giá trị bổ sung đang được thực hiện ở nước ngoài, bao gồm rang, đóng gói và dán nhãn (Grobe-Ruschkamp và Seelige, 2010, trang 21). Các tác giả này cũng chỉ ra rằng ít hơn 20 phần trăm giá tiêu dùng được tạo ra ở Mozambique, trong khi các nhà rang xay và nhà bán lẻ chia sẻ 42 phần trăm giá trị gia tăng. Người trồng chỉ chiếm 10 phần trăm giá trị sản phẩm cuối cùng. Các chủ sở hữu nhỏ hiện đang nhận được doanh thu thấp hơn, mâu thuẫn với lý thuyết, trong đó lợi nhuận và rủi ro được cho là được phân phối xuống trên chuỗi (Rota và Sperandini, 2010).

3.3. Ma trận và Phân tích SWOT

	CƠ HỘI (O)	NGUY CƠ (T)
	<p>1/Nhu cầu thế giới ngày càng tăng đối với hạt điều và hạt nhân hữu cơ. Nắm bắt giá trị gia tăng, thắt chặt cân bằng cung / cầu.</p> <p>2/ Việt Nam rất gần với Campuchia và điều này có thể trở thành thị trường xuất khẩu hạt thô (có được chứng nhận là hữu cơ hay không)</p>	<p>1/ Thiếu nắm bắt giá trị gia tăng</p> <p>2/ Các loại cây trồng khác thay thế điều</p> <p>3/ Can thiệp của người mua tại Campuchia cạnh tranh</p> <p>4/ Chi phí năng lượng cao</p> <p>5/ Thiếu tài chính</p>

	<p>3/ Thị trường trong nước và khu vực lớn và đang phát triển để hấp thụ hạt điều nhân dư thừa</p> <p>4/ Khả năng sinh lời sẽ xoay quanh khả năng có được giá cao. Điều này có khả năng là đạt được thông qua việc tăng tỷ lệ kích thước lớn hoặc bằng cách phân biệt sản phẩm thông qua chứng nhận của nó là hữu cơ và / hoặc đạo đức.</p> <p>5/ Vì phần lớn sản xuất là hữu cơ, chứng nhận hữu cơ sẽ không có tác động đáng kể đến sản lượng hoặc chi phí sản xuất. Các chi phí bổ sung duy nhất sẽ dành cho việc quản lý quá trình và chi phí chứng nhận. Đây sẽ là tương đối thấp và ít ảnh hưởng đến đơn giá.</p> <p>6/ Gia tăng nhận thức về lợi ích của hạt điều - Cây tiền mặt trực tuyến, thân thiện với môi trường.</p> <p>7/ Việt Nam là đầu ra cho RCN trong khi ngành công nghiệp phát triển</p> <p>8/ Hỗ trợ gia hạn và dự án chăn nuôi</p> <p>9/ Các nhà máy có thể được xây dựng với hệ thống chất lượng cần thiết</p> <p>10/ Bảo hành kho / tài chính, hệ thống cho người trồng / thương mại hóa.</p>	<p>6/ Biến động giá cả thị trường</p> <p>7/ Giá quốc tế giảm cả đối với hạt điều thô và hạt nhân, do tăng vật tư</p> <p>8/ Khả năng mạnh mẽ là các nhà cung cấp khác sẽ có được chứng nhận hữu cơ cho họ sản xuất và do đó chiếm vị trí hàng đầu trên thị trường như các nhà cung cấp hữu cơ hạt điều</p> <p>9/ Giảm giá cho các loại hạt sản xuất tại Việt Nam để chiêu thị</p> <p>10/ Độ tin cậy thấp của các sản phẩm và nhà xuất khẩu Việt Nam, đặc biệt là ở châu Âu thị trường, vì thương mại từ các quốc gia vừa thoát nghèo đang phát triển, phải xây dựng thương hiệu và các tiêu chuẩn, chứng nhận.</p> <p>11/ Cạnh tranh từ các quốc gia xuất khẩu hạt điều khác trên thế giới</p> <p>12/ Giá trị xuất khẩu dựa trên nhu cầu của các quốc gia nhập khẩu</p> <p>13/ Thiếu hệ thống thông tin cho phát triển các sản phẩm chế biến từ hạt điều</p> <p>14/ Giá phụ thuộc (bị ảnh hưởng) bởi tỉ giá hối đoái</p> <p>15/ Điều là cây lâu năm (1 năm trồng mới, 2 năm KTCB và thời kỳ kinh doanh \geq 20 năm, thậm chí có cây 50 năm vẫn cho năng suất cao) nên việc chặt bỏ vườn điều giống cũ chất lượng kém để</p>
--	--	---

	<p>11/ Người mua mong muốn nhà cung cấp mới</p> <p>12/ Bán RCN cho Ấn Độ</p> <p>13/ Có chứng nhận các trang trại hữu cơ không chỉ xuất khẩu sang châu Phi mà còn xuất khẩu (bán) sang thị trường khó tính Châu Âu, Mỹ...</p> <p>14/ Tăng thu nhập từ trang trại và xuất khẩu bằng cách cải thiện việc phân loại và xử lý sau thu hoạch hạt điều sống.</p> <p>15/ Dựa trên lĩnh vực chế biến hiện có để giới thiệu HACCP và (có thể) hữu cơ chứng nhận để ngành chế biến có thể cung cấp hạt điều hữu cơ chất lượng cao hạt nhân phù hợp với tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm quốc tế</p> <p>16/ Chế biến sản phẩm quả điều ngoài hạt điều nhân (còn có dầu điều, vỏ điều làm nguồn chất đốt năng lượng thay thế, bơ điều, nghiên cứu nhựa điều ứng dụng)... liên quan đến xuất khẩu</p> <p>17/ Tăng ngoại hối, tỉ giá hối đoái giữa đồng tiền Việt Nam với ngoại tệ.</p>	<p>trồng mới điều ghép năng suất cao đối với nông hộ là một trở ngại lớn, không thể diễn ra trên diện rộng, cần có thời gian 10 – 15 năm.</p> <p>16/ FAO sẽ hỗ trợ giúp cho một số nước Châu Phi phát triển điều và Campuchia cũng có quỹ đất lớn thích hợp cho phát triển sản xuất điều sẽ cạnh tranh với điều Việt Nam; song 2 quốc gia là đối thủ cạnh tranh mạnh nhất với điều Việt Nam chính là Ấn Độ và Brazil</p>
ĐIỂM MẠNH (S)	SO	ST
<p>1/ Phần lớn sản lượng điều được cho là có nguồn gốc hữu cơ, tức là được trồng mà không sử dụng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chính phủ và Bộ Nông nghiệp & PTNT rất quan tâm đồng thời chủ trương khôi phục và phát triển cây điều theo hướng sản xuất bền vững. - Chúng ta đã có bộ giống điều có tiềm năng năng suất và chất lượng cao. - Quy trình kỹ thuật thâm canh điều 	<ul style="list-style-type: none"> - Gia tăng hợp tác với các đối thủ, tìm kiếm nguồn thông tin thị trường, xây dựng và mở rộng mạng lưới thông tin thị trường. - Trung tâm Khuyến nông xây dựng các mô hình trình diễn cải tạo và thâm canh vườn điều (trẻ hóa vườn

<p>của bất kỳ hóa chất nông nghiệp</p> <p>2/ Nhu cầu trong nước về hạt nhân và hạt điều cao</p> <p>3/ Kỹ thuật trồng sản phẩm hữu cơ và giống điều của Việt Nam có thể chuyển giao kỹ năng cho bạn Campuchia</p> <p>4/ Sản xuất trong nước lớn với tiềm năng mở rộng sản lượng và xuất khẩu nguyên liệu hạt điều và hạt nhân</p> <p>5/ Thân thiện với môi trường đất ở Việt Nam nhất là đất Tây Nguyên đất đỏ bazan thích hợp màu mỡ cho cây phát triển. Ngoài ra cây điều còn chịu được các loại đất bạc, đất cát...</p> <p>6/ Cây trồng tương đối sâu bệnh và không có bệnh ở Việt Nam (chỉ có 2 bệnh chính thường gặp là do sâu đục thân và bệnh lá đỏ)</p> <p>7/ Đáp ứng đầu vào tối thiểu cho sản</p>	<p>cao sản đạt từ 3- 5 tấn/ha đã được kiểm chứng trên một số nông hộ tại Bình Phước và Đồng Nai sẽ được phát huy và nhân rộng trong sản xuất.</p> <p>- Bộ nông nghiệp &PTNT đã thành lập Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển cây Điều thuộc Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Miền Nam đang tập trung nghiên cứu chọn tạo giống và biện pháp kỹ thuật canh tác điều có năng suất cao từ 3 tấn – 5 tấn/ha; chất lượng tốt, phù hợp với từng vùng sinh thái nông nghiệp miền Nam.</p> <p>- Các cơ sở công nghiệp chế biến điều hiện có đủ năng lực chế biến 100% sản lượng điều trong nước và hàng năm có thể nhập khẩu hàng trăm nghìn tấn hạt điều để sử dụng hết công suất thiết kế. Những kết quả nghiên cứu cải tiến công nghệ, thiết bị chế tạo trong nước, cho phép ngành điều cơ giới hóa, tự động hóa với mức đầu tư thấp hơn so với thiết bị nhập khẩu, nên các cơ sở chế biến có cơ hội tiếp cận nhanh thị trường thế giới.</p> <p>- Hạt điều Việt Nam có giá thành thấp, chất lượng khá cao, nhân điều thô xuất khẩu của Việt Nam đã có uy tín trên thị trường thế giới. Một khi làm tốt khâu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, tăng cường xúc tiến thương mại, sẽ tạo sức cạnh tranh.</p> <p>- Bài học kinh nghiệm rút ra từ 25 năm phát triển ngành điều, nhất là khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật sẽ được ứng dụng rộng rãi vào sản xuất, chế biến điều, đồng thời với nhận thức và hiểu biết về điều</p>	<p>điều) tại các xã để nông dân tiếp cận dễ dàng; trong đó, chú ý 3 kỹ thuật cơ bản là : tạo tán tia cành, bón phân và phòng trừ sâu bệnh.</p> <p>- Trung tâm nghiên cứu và Phát triển cây Điều - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam chủ trì và phối hợp với Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung và Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên</p> <p>đánh giá lại các đề tài nghiên cứu nhất là về giống, kỹ thuật sản xuất giống điều ghép, kỹ thuật canh tác đồng thời tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật để sớm đưa vào ứng dụng sản xuất điều đại trà.</p> <p>- Xây dựng cơ sở dữ liệu cho quản lý nguồn gen và chọn tạo giống điều bởi phần mềm riêng biệt cho cây điều để mô tả, phân loại loại thông tin di truyền cơ bản, tác nhân nông học, chất lượng giống và đánh dấu gen năng suất cao, gen kháng sâu bệnh bằng marker phân tử và các đặc điểm tế bào học.</p> <p>- Xây dựng cánh đồng mẫu lớn sản xuất điều thâm canh đạt năng suất hơn 2 – 3 tấn/ha tại các vùng nguyên liệu đồng thời tạo liên kết sản xuất giữa các nông dân để tạo thành các vùng nguyên liệu tập trung có sản lượng và chất lượng cao, để đầu tư chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và chủ động liên kết với doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm tiến tới xây dựng các mô hình sản xuất điều có chứng nhận nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm điều.</p>
--	--	--

<p>xuất, xử lý sau thu hoạch</p> <p>8/ Có hợp tác thương mại với các nước cạnh tranh hạt điều</p> <p>9/ Trồng hạt điều đang được cải thiện</p> <p>10/ Có sự phát triển định kỳ cho hàng hóa hạt điều</p> <p>11/ Hạt điều Việt Nam xây dựng thương hiệu 25 năm trên thị trường thế giới</p>	<p>sâu sắc hơn, sẽ là yếu tố quan trọng để ngành điều tăng trưởng bền vững hơn.</p> <p>- Các sản phẩm chế biến từ hạt điều như: nhân điều, dầu vỏ hạt điều của Việt Nam được xác định là sản phẩm hàng hóa xuất khẩu có lợi thế cạnh tranh cao khi Việt Nam hội nhập nền kinh tế thế giới, nên sẽ được Nhà nước, các doanh nghiệp ưu tiên đầu tư toàn diện hơn.</p> <p>Phát triển liên kết chuỗi trong nước ngành công nghiệp với sự liên kết để đa dạng thị trường quốc tế để tạo ra tốt hơn lợi nhuận cho người trồng, phần thưởng cho chất lượng và cạnh tranh cho RCN sẽ hợp lý hóa chuỗi giá trị trong nước.</p>	<p>- Tổ chức thông tin xuống các tỉnh trồng điều về giá cả, thị trường, dự báo thời tiết, sâu bệnh, tình hình tiêu thụ sản phẩm điều trong và ngoài nước.</p> <p>- Đào tạo chuyển giao kỹ thuật canh tác và thâm canh điều đến 2020 cho 95 – 98% số lao động chính trong các nông hộ trồng điều. Đồng thời đào tạo lại, đào tạo chuyên sâu cho cán bộ huyện, sở Nông nghiệp – PTNT các kiến thức mới về trồng điều lấy hạt chế biến các sản phẩm xuất khẩu.</p> <p>- Kiểm tra chặt chẽ giống điều ghép theo Pháp lệnh giống cây trồng, xử lý nghiêm các vi phạm để ngăn chặn triệt để cây giống điều kém chất lượng bán trên thị trường.</p> <p>- Xây dựng vườn điều giống đầu dòng chất lượng cao;</p> <p>- Tổ chức nhân giống điều ghép đạt chất lượng, cung cấp đủ cho nông hộ và trang trại trồng điều với giá hợp lý.</p>
ĐIỂM YẾU (W)	WO	WT
<p>1/ Phương pháp canh tác đã không chú ý đến tuổi sản xuất của cây điều.</p> <p>2/ Xử lý hạt điều sau thu hoạch chưa đạt tiêu chuẩn chất lượng xuất khẩu, điều kiện khí hậu không chắc chắn.</p>	<p>- Cải thiện mô hình trang trại hạt điều.</p> <p>- Đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu cho hạt điều.</p> <p>- Thay đổi chính sách chính phủ/nhà nước của Việt Nam có thể được nhìn thấy từ Chiến lược thương mại và trồng rừng</p>	<p>-Bóc vỏ cây</p> <p>-Hỗ trợ người trồng nông dân</p> <p>-Hệ thống tài chính / kho bảo đảm</p> <p>-Phát triển hệ thống thông tin thị trường</p> <p>-Đào tạo lực lượng lao động</p>

<p>Không có giá trị bổ sung</p> <p>3/ Gân Việt Nam - cạnh tranh trực tiếp</p> <p>4/ Thiếu lực lượng lao động lành nghề</p> <p>5/ Thiếu tài chính/ chi phí lãi cao</p> <p>6/ Thiếu thông tin thị trường</p> <p>7/ Thiếu dữ liệu cây trồng / dữ liệu vị trí</p> <p>8/ Giá RCN không khuyến khích chất lượng</p> <p>9/ Không có lối thoát cho vô hữu cơ</p>		<p>-Xuất khẩu chất lượng hóa hạt điều với cơ sở đối thủ</p> <p>-Tăng sản lượng hạt điều</p>
--	--	---

4. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý QUẢN LÝ

Kết luận: Đóng góp của đề tài trước hết là đã hệ thống hóa phương pháp luận và tổng hợp thực tiễn các nghiên cứu trước về chuỗi giá trị, sau đó đề xuất phương pháp nghiên cứu chuỗi giá trị sản phẩm có so sánh với quốc gia đang phát triển tương tự Việt Nam là Mozambique. Nghiên cứu đã tiếp cận phân tích theo chuỗi giá trị trên cơ sở áp dụng kết hợp vận dụng các lý thuyết lợi thế cạnh tranh của Michael Porter để nghiên cứu trường hợp chuỗi giá trị. Kết quả nghiên cứu đưa ra ma trận phân tích SWOT cho thị trường Việt Nam mới hơn các nghiên cứu cũ nhờ có so sánh với các nghiên cứu tại Campuchia, Indonesia, Nigeria...

Đề xuất:

- Nhà nước tiếp tục đầu tư ngân sách cho các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa

học về cây điều: nghiên cứu chọn tạo được các giống điều mới vừa có khả năng cho năng suất cao, chất lượng tốt có khả năng thích nghi với sự biến đổi khí hậu; nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ trồng, chăm sóc, tạo tán, tưới nước, trồng xen phù hợp theo hướng thâm canh tăng năng suất và nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác điều.

- Quy hoạch vùng nguyên liệu điều tập trung tại các tỉnh miền Đông Nam Bộ khoảng 200 – 250 ngàn ha; phấn đấu đến năm 2020, năng suất điều bình quân toàn

vùng đạt hơn 2 tấn/ha, sản lượng điều đạt trên 400 ngàn tấn theo ý kiến của Thứ trưởng Bùi Bá Bồng tại Hội nghị “Đánh giá thực trạng và bàn giải pháp thúc đẩy phát triển cây điều” do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức ngày 24.04/2012 tại Bình Phước.

- Bộ Nông nghiệp và PTNT đầu tư cho Trung tâm nghiên cứu và Phát triển cây Điều đủ mạnh để đảm đương nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất (nhất là giống mới, biện pháp canh tác, phòng trừ sâu bệnh hại...).

- Ngành nông nghiệp và chính quyền các địa phương tuyên truyền, vận động để nông dân chấm dứt việc trồng điều bằng hạt.- Vận dụng và lồng ghép các chương trình, dự án, chính sách,... áp dụng đối với xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc, khu kinh tế quốc phòng nằm trong quy hoạch hoặc dự án điều của tỉnh, huyện; sẽ được hỗ trợ 50% giá giống điều ghép, được giao đúng số lượng theo đăng ký của chủ hộ với chủ dự án và có xác nhận của UBND xã.

- Khuyến khích doanh nghiệp trích lợi nhuận hỗ trợ sản xuất điều ghép (bình

quân 1.000 đồng/cây) cho vùng điều nguyên liệu của cơ sở thu mua hạt điều.

- Hạn chế của đề tài và hướng nghiên cứu tiếp theo

Do hạn chế về thời gian và kinh phí nên đề tài chỉ tập trung phạm vi nghiên cứu chuỗi giá trị sản phẩm cho trường hợp cá cơm tại Pleiku. Nghiên cứu chỉ tập trung vào hiện trạng trên cơ sở thu thập thống kê, nhận định khảo sát và so sánh với nghiên cứu trước trong và ngoài nước. Hướng nghiên cứu tương lai sẽ mở rộng địa bàn nghiên cứu, hướng đến phạm vi quốc gia, nhằm đánh giá vị thế cạnh tranh và khả năng cạnh tranh của Việt Nam về chuỗi giá trị mặt hàng hạt điều xuất khẩu và nội địa, phân tích thêm về chi phí và lợi nhuận của các tác nhân trong chuỗi cụ thể hơn có thể sử dụng thống kê phân tích RCA, ISP, ECI ngoài phân tích SWOT như tác giả, và có thể tiến hành tính điểm trọng số khi thống kê. Nghiên cứu sâu hơn các mô hình liên kết hợp tác giữa các tác nhân trong chuỗi cũng như thể chế và chính sách hỗ trợ cần thiết nhằm nâng cao khả năng gắn kết giữa các tác nhân và các bên liên quan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

- [1] Trần Công Khanh và đồng sự (2010), “Cây điều việt nam hiện trạng và giải pháp phát triển”, lasVn.org.

Tiếng Anh

- [2] Chemonics International Inc (09/2002), “Subsector Assessment of the Nigerian Cashew Industry”, The United States Agency for International Development (USAID)-Nigeria RAISE IQC, Contract no. PCE-I-00-99-00003-00 Task Order No. 812.
- [3] 3. Elys Fauziay, Aniyatussholihah, Dwi Ratna Hidayati (2017), “Strategy of export competitiveness Enhancement on cashew nut commodity”, Journal of Economics and Policy, Vol.10 (2) (2017), pp. 302-316.
- [4] 4. Ferdinan Demang, Salengke, Nurdin Brasit (2018), “The strategy to improve the quality of cashew commodities”, International Journal of Environment, Agriculture and Biotechnology (UEAB), Vol.3, Issue 1, Jan-Feb.2018, ISSN: 2456-1878, pp. 14-17.

- [5] 5. Lucia Antonio, Garry Griffith (2017), “The cashew value chain in Mozambique: Analysis of performance and suggestions for Improvement”, International Journal Food System Dynamics, Vol.8 (1), 2017, pp. 208-221.
6. International Finance Corporation (10/2010) – World Bank group, “Prospects for Cambodia’s Cashew Sub-sector” report, Cambodia agribusiness series – no. 1.
- [6] 7. Soumitra Banerjee, Shanker Lal Shrivastave (11/2014), “Economics Analysis of cashew nut processing in India”, Economics Affairs-New Delhi Publishers, 11/2014, vol 59 (3), pp.429-437.
- [7] Website Link address:
- [8] CRN India. (2013). Commodity- Cashew. CRN India. <http://www.crnindia.com/commodity/cashew.html>.
- [9] Gayathri Industries. (2013). Cashew processing- An overview, Cashew processing machineries. <http://www.cashewmachines.com/Documents/Cashewnut%20Processing%20An%200verview.pdf>.
- [10] Cashew nut processing". Science Tech Entrepreneur. Department of Food and Agriculture Process Engineering, TNAU, Coimbatore
- [11] Padmanaban K. (2010). A statistical investigation on export of cashew nut from India.
- [12] Cashew Industry and production. Cashew World. <http://www.casheworld.com/>.
- [13] Sundaram I S. (2007). Cashew: Competition Continues, Market Survey. <http://ffymag.com/admin/issuepdf/>
- [14] Cashew.pdf. TIS. (2013). Cashew nuts, cashew kernels. Transport Information Service. http://www.tis-gdv.de/tis_e/ware/nuesse/cashew/cashew.htm.
- [15] <https://english.vietnamnet.vn/fms/business/167301/vietnam-cashew-exporters-to-add-value-with-further-processing.html>
- [16] <https://english.vietnamnet.vn/fms/business/152827/cashew-prices-reach-highest-in-a-decade.html>

LỜI CẢM ƠN

Các tác giả chân thành cảm ơn sự hỗ trợ và khuyến khích của một số nhà khoa học và kinh doanh tại OLAM vì lý do không muốn đăng tên nên tác giả chỉ ghi chung chung. Nghiên cứu này hầu như không hoàn thành nếu không có sự hỗ trợ của những người được phỏng vấn đã trả lời các câu hỏi và tôi muốn chia sẻ bài viết này với bạn bè và người thân.

Tác giả:

Đỗ Thị Thanh Trâm (B.A)

OLAM Viet Nam company

Email: thanhtram.sim@gmail.com

Phone: 0902517727